

## VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

### VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

**Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BTTTT ngày 10 tháng 5 năm 2018  
hợp nhất Nghị định quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet  
và thông tin trên mạng**

(Tiếp theo Công báo số 633 + 634)

#### Chương IV TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ TRÊN MẠNG

**Điều 33c. Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4<sup>53</sup>**

1. Doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 đã được cấp trong các trường hợp sau đây:

- a) Thay đổi tên doanh nghiệp;
- b) Thay đổi tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ gốc đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo một trong các hình thức sau:

- a) Nộp trực tiếp;

---

<sup>53</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 32 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

b) Nộp qua đường bưu chính;

c) Qua mạng Internet.

3. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4, trong đó nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh các lý do cần sửa đổi, bổ sung.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) xem xét cấp giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời trong đó nêu rõ lý do từ chối.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, trước khi thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thể loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính thì doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 nhưng phải thông báo bằng văn bản đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) và Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động. Nội dung thông báo bao gồm: Tên doanh nghiệp; số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng; những nội dung thay đổi.

Khi nhận thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm gửi giấy xác nhận cho doanh nghiệp trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

6. Các doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 khi có sự thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn Điều lệ trở lên phải thông báo bằng văn bản đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) và Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có

quyết định thay đổi. Nội dung thông báo bao gồm: Tên doanh nghiệp; số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng; những nội dung thay đổi.

Khi nhận thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm gửi giấy xác nhận cho doanh nghiệp trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

7. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trong các trường hợp bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được.

a) Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 bị mất hoặc bị hư hại không còn sử dụng được, doanh nghiệp gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của doanh nghiệp; số, nơi cấp, ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; số, ngày cấp của giấy chứng nhận đã được cấp; lý do đề nghị cấp lại giấy chứng nhận; cam kết của doanh nghiệp về các nội dung kê khai trong đơn đề nghị;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) xem xét, cấp lại giấy chứng nhận cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

#### **Điều 33d. Đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi G2, G3, G4<sup>54</sup>**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) đình chỉ trong thời hạn 03 tháng Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng khi tổ chức, doanh nghiệp vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm quy định tại điểm d, đ, e khoản 1 Điều 5 Nghị định này;

b) Không đáp ứng đủ các điều kiện tương ứng quy định tại khoản 3, khoản 4 khoản 5 Điều 33 Nghị định này sau khi đã được Bộ Thông tin và Truyền thông yêu cầu khắc phục bằng văn bản.

---

<sup>54</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 33 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng khi tổ chức, doanh nghiệp vi phạm quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 5 Nghị định này hoặc đã bị đình chỉ Giấy chứng nhận hai lần liên tiếp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4

a) Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) ra thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp khắc phục vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 33d Nghị định này. Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn yêu cầu trong văn bản thông báo mà tổ chức, doanh nghiệp không khắc phục thì Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) ra quyết định đình chỉ giấy chứng nhận;

b) Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận khi tổ chức, doanh nghiệp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 33d Nghị định này.

#### **Điều 33đ. Thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4<sup>55</sup>**

1. Tối thiểu 30 ngày làm việc trước khi chính thức cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4, doanh nghiệp phải gửi thông báo theo Mẫu số 21 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đối với từng trò chơi điện tử sẽ cung cấp tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) bằng một trong các hình thức:

- a) Nộp trực tiếp;
- b) Nộp qua đường bưu chính;
- c) Qua mạng Internet.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

---

<sup>55</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 34 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng theo Mẫu số 22 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Sau thời gian nêu trên, nếu chưa nhận được ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) thì doanh nghiệp được cung cấp trò chơi theo ngày dự kiến đã nêu trong thông báo.

3. Doanh nghiệp phải thông báo bổ sung với Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) nếu trong quá trình cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử có thay đổi một trong những nội dung sau đây:

- a) Tên trò chơi;
- b) Kết quả phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi;
- c) Loại hình trò chơi điện tử đang cung cấp (G2, G3, G4);
- d) Phạm vi, phương thức cung cấp dịch vụ: Tên miền, địa chỉ IP (khi cung cấp trên trang thông tin điện tử), kênh phân phối trò chơi điện tử (cho thiết bị di động).

#### **Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử**

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Được thuê đường truyền dẫn của doanh nghiệp viễn thông để kết nối hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ đến mạng viễn thông công cộng.

2. Có ít nhất 01 hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam đáp ứng việc thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và giải quyết khiếu nại của khách hàng đối với việc cung cấp dịch vụ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Thiết lập trang thông tin điện tử cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử bao gồm đầy đủ các thông tin sau đây:

- a) Phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi đối với từng trò chơi;
- b) Quy tắc của từng trò chơi điện tử;
- c) Các quy định quản lý thông tin, quản lý hoạt động của trò chơi điện tử;
- d) Các quy tắc về giải quyết khiếu nại, tranh chấp quyền lợi phát sinh giữa người chơi và doanh nghiệp, giữa người chơi với người chơi.

4. Áp dụng các biện pháp hạn chế tác động tiêu cực của trò chơi do doanh nghiệp cung cấp, bao gồm:

- a) Cung cấp thông tin về trò chơi đã được phê duyệt nội dung, kịch bản (đối với trò chơi G1) hoặc đã thông báo theo quy định (đối với trò chơi G2, G3, G4)

trong các chương trình quảng cáo, trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và trong từng trò chơi bao gồm tên trò chơi, phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi và khuyến cáo về những tác động ngoài mong muốn về thể chất, tinh thần có thể xảy ra đối với người chơi;

b) Đối với trò chơi G1 thực hiện đăng ký thông tin cá nhân của người chơi và áp dụng biện pháp hạn chế giờ chơi đối với trẻ em, người chơi dưới 18 tuổi theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;

5. Bảo đảm quyền lợi chính đáng của người chơi theo đúng quy tắc của trò chơi điện tử đã công bố; chịu trách nhiệm về giá cước, chất lượng dịch vụ, an toàn thông tin; giải quyết khiếu nại và các tranh chấp phát sinh giữa người chơi và doanh nghiệp, giữa người chơi với người chơi.

6. Tuân thủ quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về vật phẩm ảo (hình ảnh đồ họa của một đồ vật, một nhân vật theo quy tắc nhất định do nhà sản xuất trò chơi điện tử đó thiết lập) và điểm thưởng (hình thức thưởng tương đương cách tính điểm mà người chơi nhận được trong quá trình tham gia trò chơi điện tử trên mạng).

7. Trường hợp ngừng cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử, phải thông báo trên trang thông tin điện tử cung cấp trò chơi điện tử tối thiểu 90 ngày trước ngày dự kiến ngừng cung cấp dịch vụ; có các giải pháp bảo đảm quyền lợi của người chơi; báo cáo bằng văn bản với Bộ Thông tin và Truyền thông về các nội dung này 15 ngày trước ngày chính thức ngừng cung cấp dịch vụ.

8. Triển khai các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ quản lý nội dung hội thoại giữa các người chơi theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

9. Không được quảng cáo trò chơi điện tử chưa được phê duyệt nội dung, kịch bản đối với trò chơi G1 hoặc chưa thông báo theo quy định đối với trò chơi G2, G3 và G4 trên các diễn đàn, trang thông tin điện tử của tổ chức, doanh nghiệp, các loại hình báo chí và phương tiện thông tin đại chúng khác.

10. Nộp lệ phí cấp phép và phí thẩm định nội dung, kịch bản trò chơi G1;

11. Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

12. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 35. Điều kiện hoạt động của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng<sup>56</sup>**

1. Tổ chức, cá nhân chỉ được thiết lập điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

b) Địa điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng có chiều dài đường bộ ngắn nhất từ cửa chính hoặc cửa phụ của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng tới cổng chính hoặc cổng phụ của cổng trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú từ 200 m trở lên;

c) Có biển hiệu “Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng” ghi rõ tên điểm, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, số đăng ký kinh doanh. Trường hợp điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đồng thời là đại lý Internet thì thêm nội dung “Đại lý Internet”. Trường hợp điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đồng thời là điểm truy nhập Internet công cộng của doanh nghiệp thì thêm nội dung “Điểm truy nhập Internet công cộng”;

d) Tổng diện tích các phòng máy của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng tối thiểu 50 m<sup>2</sup> tại các khu vực đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I, loại II, loại III; tối thiểu 40 m<sup>2</sup> tại các đô thị loại IV, loại V; tối thiểu 30 m<sup>2</sup> tại các khu vực khác;

đ) Bảo đảm đủ ánh sáng, độ chiếu sáng đồng đều trong phòng máy;

e) Có thiết bị và nội quy phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng, chống cháy, nổ của Bộ Công an;

---

<sup>56</sup>Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

g) Nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

3. Cơ quan cấp giấy chứng nhận là Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao chủ trì việc cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Hướng dẫn cụ thể về loại hình đô thị của từng khu vực trên địa bàn để áp dụng điều kiện về diện tích phòng máy quy định tại điểm d khoản 2 Điều 35 Nghị định này;

b) Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng áp dụng trên địa bàn;

c) Giao Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện chức năng Cơ quan cấp Giấy chứng nhận;

d) Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông công khai trên trang thông tin điện tử của Sở danh sách các điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được cấp và bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn, danh sách các trò chơi G1 đã được phê duyệt nội dung, kịch bản và danh sách các trò chơi G1 đã bị thu hồi quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản; thông báo cho các chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn danh sách các trò chơi G1 đã được phê duyệt nội dung, kịch bản và danh sách các trò chơi G1 đã bị thu hồi quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện trong việc phổ biến pháp luật, quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hoạt động của điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn; trước ngày 15 tháng 12 hàng năm báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông các nội dung theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

**Điều 35a. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng<sup>57</sup>**

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng có thời hạn 03 năm.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng bao gồm các thông tin cơ bản sau:

a) Tên và địa chỉ cụ thể của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng bao gồm: số nhà, thôn/phố, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Số đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

c) Họ và tên, số chứng minh nhân dân, số điện thoại liên hệ, địa chỉ thư điện tử của chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với chủ điểm là cá nhân; họ và tên, số chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu, số điện thoại liên hệ, địa chỉ thư điện tử của cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp;

d) Thời hạn có hiệu lực của giấy chứng nhận;

đ) Tổng diện tích các phòng máy;

e) Quyền và nghĩa vụ của chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

3. Mẫu giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng quy định theo Mẫu số 03 hoặc Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 35b. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng<sup>58</sup>**

---

<sup>57</sup>Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 36 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

<sup>58</sup>Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng gửi trực tiếp hoặc sử dụng dịch vụ bưu chính 01 bộ hồ sơ tới cơ quan cấp giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 05 hoặc Mẫu số 06 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao có chứng thực giấy đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

c) Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là cá nhân; Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp.

2. Thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Cơ quan cấp giấy chứng nhận thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng. Trường hợp từ chối, Cơ quan cấp giấy chứng nhận có trách nhiệm thông báo bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức, cá nhân biết.

3. Đối với các điểm đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng, trước thời hạn hết hạn của giấy chứng nhận tối thiểu 20 ngày, chủ điểm muốn tiếp tục kinh doanh phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

**Điều 35c. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng<sup>59</sup>**

---

<sup>59</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng, chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đã được cấp thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi tên điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

b) Thay đổi chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là cá nhân hoặc thay đổi người quản lý trực tiếp điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc sử dụng dịch vụ bưu chính 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng tới cơ quan cấp giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận theo Mẫu số 07 hoặc Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các tài liệu có liên quan đến các thông tin thay đổi (nếu có).

3. Thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Cơ quan cấp giấy chứng nhận có trách nhiệm thẩm định và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng sửa đổi, bổ sung thay thế cho giấy chứng nhận cũ. Trường hợp từ chối, cơ quan cấp giấy chứng nhận có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

4. Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng sửa đổi, bổ sung có thời hạn bằng thời hạn còn lại của giấy chứng nhận cũ.

**Điều 35d. Gia hạn, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng<sup>60</sup>**

---

<sup>60</sup>Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

1. Các điểm đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng muốn tiếp tục hoạt động theo nội dung giấy chứng nhận đã được cấp mà không làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 35b Nghị định này, trước thời hạn hết hạn của giấy chứng nhận tối thiểu 20 ngày, chủ điểm gửi trực tiếp hoặc sử dụng dịch vụ bưu chính tới cơ quan cấp giấy chứng nhận 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn quy định theo Mẫu số 09 hoặc Mẫu số 10 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm là cá nhân.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan cấp giấy chứng nhận thẩm định và ban hành quyết định gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối, cơ quan cấp giấy chứng nhận có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng có thể được gia hạn 01 lần với thời hạn tối đa là 06 tháng.

4. Trường hợp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng phải gửi trực tiếp hoặc sử dụng dịch vụ bưu chính 01 đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 hoặc Mẫu số 13 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này tới Cơ quan cấp giấy chứng nhận. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan cấp giấy chứng nhận thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

Trường hợp từ chối, cơ quan cấp giấy chứng nhận có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

**Điều 35d. Thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng<sup>61</sup>**

---

<sup>61</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 40 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

1. Chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng bị thu hồi giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động đối với một trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi gian dối hoặc cung cấp thông tin giả mạo để được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

b) Thay đổi tổng diện tích các phòng máy nhưng không đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d khoản 2 Điều 35 Nghị định này;

c) Sau 06 tháng kể từ khi có văn bản thông báo của cơ quan cấp giấy chứng nhận về việc điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng không đáp ứng quy định về khoảng cách tại điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định này vì có một trường học hoặc trung tâm giáo dục thường xuyên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định này mới đi vào hoạt động hoặc vì lý do khách quan khác.

2. Trường hợp bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, sau thời hạn 01 năm kể từ ngày bị thu hồi giấy chứng nhận, chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng có quyền đề nghị cấp giấy chứng nhận mới nếu đáp ứng đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận theo quy định. Trường hợp bị thu hồi tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng có quyền đề nghị cấp giấy chứng nhận mới ngay khi đáp ứng đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận theo quy định.

### **Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng**

Chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Được thiết lập hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử tại địa điểm ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đã được cấp;

2. Được cung cấp dịch vụ truy nhập Internet sau khi đã ký hợp đồng đại lý Internet với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet;

3.<sup>62</sup> Có bảng niêm yết công khai nội quy sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử ở nơi mọi người dễ nhận biết, bao gồm các điều cấm quy định tại Điều 5 Nghị định này;

---

<sup>62</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 41 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

quyền và nghĩa vụ của sử dụng Internet và người chơi quy định tại Điều 10 và Điều 37 Nghị định này;

4. Có bảng niêm yết danh sách cập nhật các trò chơi G1 đã được phê duyệt nội dung, kịch bản tại điểm cung cấp dịch vụ kèm theo phân loại trò chơi theo độ tuổi (thông tin được cập nhật từ trang thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông [www.mic.gov.vn](http://www.mic.gov.vn));

5. Không được tổ chức hoặc cho phép người sử dụng Internet sử dụng các tính năng của máy tính tại địa điểm kinh doanh của mình để thực hiện các hành vi bị cấm quy định tại Điều 5 Nghị định này;

6. Được yêu cầu doanh nghiệp ký hợp đồng đại lý Internet với mình hướng dẫn, cung cấp thông tin về dịch vụ truy nhập Internet và chịu sự kiểm tra, giám sát của doanh nghiệp đó;

7. Tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn về Internet, trò chơi điện tử do các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp tổ chức trên địa bàn;

8. Không được hoạt động từ 22 giờ đêm đến 8 giờ sáng hôm sau;

9. Thực hiện quy định về bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin;

10. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của người chơi**

Người chơi có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Được chơi các trò chơi điện tử trừ các trò chơi điện tử bị cấm theo quy định của pháp luật;

2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng Internet quy định tại Điều 10 Nghị định này;

3. Lựa chọn trò chơi điện tử phù hợp với độ tuổi của mình;

4. Không được lợi dụng trò chơi điện tử để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

5. Thực hiện việc đăng ký thông tin cá nhân theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông;

6. Chấp hành quy định về quản lý giờ chơi, quy định về thời gian hoạt động của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

7. Được doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử bảo đảm quyền lợi theo quy tắc của trò chơi điện tử và quy tắc giải quyết khiếu nại, tranh chấp được công bố trên trang thông tin điện tử cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.

**Chương V**  
**BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN VÀ**  
**AN NINH THÔNG TIN TRÊN MẠNG**

**Điều 38. Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin trên mạng**

1. Tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin trong phạm vi hệ thống thông tin của mình; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân khác trong việc bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin trên mạng.

2. Hoạt động bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin trên mạng phải được thực hiện thường xuyên, liên tục và hiệu quả trên cơ sở bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin và quy định pháp luật về chất lượng dịch vụ viễn thông, Internet.

**Điều 39. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thông tin và an ninh thông tin**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin;

b) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động bảo đảm an toàn thông tin;

c) Hợp tác quốc tế về an toàn thông tin;

d) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động bảo đảm an toàn thông tin;

đ) Chỉ đạo việc phối hợp hoạt động của các đơn vị thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin của các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp;

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin công cộng trên mạng bố trí mặt bằng, công kết nối và các biện pháp kỹ thuật cần thiết để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin;

g) Quy định việc đăng ký, lưu trữ, sử dụng thông tin cá nhân của người đưa thông tin công cộng lên mạng xã hội, người chơi trò chơi G1 và người sử dụng các dịch vụ khác trên Internet; việc xác thực thông tin cá nhân đó với cơ sở dữ liệu điện tử về chứng minh nhân dân của Bộ Công an.

## 2. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về an ninh thông tin;

b) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động bảo đảm an ninh thông tin;

c) Hợp tác quốc tế về an ninh thông tin;

d) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động bảo đảm an ninh thông tin;

đ) Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc thu thập, phát hiện, điều tra, xử lý thông tin, tài liệu, hành vi liên quan đến hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bí mật nhà nước và các hoạt động tội phạm khác;

e) Tổ chức thực hiện việc xây dựng, khai thác cơ sở dữ liệu điện tử về chứng minh nhân dân để kết nối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng nhằm xác thực thông tin cá nhân phục vụ cho việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ và thông tin trên mạng.

## 3. Ban Cơ yếu Chính phủ - Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Chủ trì xây dựng và đề xuất ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về cơ yếu trong việc bảo đảm an toàn thông tin;

b) Chủ trì thực hiện quản lý hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, sử dụng mật mã bảo đảm an toàn thông tin;

c) Tổ chức thực hiện kiểm định, đánh giá và chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy các sản phẩm sử dụng mật mã bảo đảm an toàn thông tin.

## 4. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

a) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn pháp luật về Internet cho học sinh, sinh viên; hướng dẫn, tạo điều kiện, định hướng học sinh, sinh viên sử dụng Internet vào các hoạt động có ích, thiết thực trong học tập, cuộc sống của bản thân và gia đình;

b) Triển khai các biện pháp cảnh báo, giám sát học sinh, sinh viên để tránh khỏi các tác động tiêu cực của nội dung thông tin, ứng dụng có hại trên Internet;

c) Tổ chức đào tạo về an toàn thông tin trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông.

5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ trẻ em, thanh thiếu niên tránh khỏi những nội dung thông tin, ứng dụng có hại trên Internet.

6. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thông tin và an ninh thông tin.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thông tin và an ninh thông tin tại địa phương.

#### **Điều 40. Quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin**

1. Chứng nhận sự phù hợp của hệ thống thông tin với quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin (chứng nhận hợp quy) là việc xác nhận hệ thống thông tin phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, tiêu chuẩn về an toàn thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định bắt buộc áp dụng.

2. Công bố sự phù hợp của hệ thống thông tin với quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin (công bố hợp quy) là việc tổ chức, doanh nghiệp công bố về sự phù hợp của hệ thống thông tin với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin.

3. Tổ chức, doanh nghiệp sở hữu hệ thống thông tin phải thực hiện việc chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Tổ chức chứng nhận hợp quy về an toàn thông tin là đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật được Bộ Thông tin và Truyền thông thừa nhận hoặc chỉ định để thực hiện công tác chứng nhận hợp quy.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy về an toàn thông tin; ban hành danh mục các hệ thống thông tin bắt buộc phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy; chỉ định, thừa nhận tổ chức chứng nhận hợp quy.

**Điều 41. Cung cấp dịch vụ an toàn thông tin**

1. Dịch vụ an toàn thông tin là dịch vụ bảo vệ thông tin và hệ thống thông tin cho tổ chức, cá nhân bao gồm dịch vụ tư vấn, kiểm tra, đánh giá, giám sát hệ thống thông tin và các dịch vụ khác có liên quan.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cụ thể việc cung cấp dịch vụ an toàn thông tin.

**Điều 42. Phân định cấp độ hệ thống thông tin**

1. Phân định cấp độ hệ thống thông tin là việc đánh giá, xác định mức độ quan trọng của hệ thống thông tin đó đối với hoạt động của toàn bộ cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia, việc phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng của đất nước nhằm đưa ra các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin phù hợp.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các Bộ, ngành có liên quan xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định về phân định cấp độ hệ thống thông tin, danh mục các hệ thống thông tin quan trọng của quốc gia, yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin đối với các hệ thống thông tin quan trọng của quốc gia.

**Điều 43. Ứng cứu sự cố mạng**

1. Ứng cứu sự cố mạng là hoạt động nhằm xử lý, khắc phục sự cố gây mất an toàn thông tin trên mạng.

2. Ứng cứu sự cố mạng được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

- a) Nhanh chóng, chính xác, kịp thời, hiệu quả;
- b) Tuân thủ quy định điều phối của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- c) Phối hợp giữa các tổ chức, doanh nghiệp trong nước, quốc tế.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, các tổ chức quản lý, khai thác các hệ thống thông tin quan trọng của quốc gia có trách nhiệm thành lập hoặc chỉ định bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố mạng (CERT) để chủ động triển khai hoạt động trong phạm vi đơn vị mình và phối hợp với Trung tâm ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam (VNCERT).

4. Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành và tổ chức thực hiện quy định điều phối ứng cứu sự cố mạng.

#### **Điều 44. Nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp đối với việc bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin**

Các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp thông tin công cộng trên mạng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử có nghĩa vụ sau đây:

1. Triển khai các hệ thống kỹ thuật, nghiệp vụ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin.

2. Hướng dẫn các đại lý Internet, điểm truy nhập Internet công cộng, điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng của doanh nghiệp thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin.

3. Bố trí mặt bằng, công kết nối và các điều kiện kỹ thuật cần thiết để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an.

4. Ban hành và thực hiện quy chế hoạt động nội bộ; quy trình vận hành, khai thác, cung cấp và sử dụng dịch vụ và quy chế phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an trong việc bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin.

### **Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH<sup>63</sup>**

<sup>63</sup>Điều 2 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018 quy định như sau:

#### **“Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các quy định sau sẽ hết hiệu lực, bao gồm:

a) Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

b) Khoản 6, khoản 13 Điều 2; khoản 2, khoản 3 Điều 7; Điều 9; Điều 21 Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet;

c) Khoản 2, Khoản 5, Khoản 6 Điều 2; Điều 3; Điều 4; Điều 5; Điều 6; điểm a, b khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 7; Điều 8; khoản 1, 2, 5, 6 Điều 10 Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội;

**Điều 45. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013.

2. Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT-BCVT-VHTT-CA-KHĐT ngày 14 tháng 7 năm 2005 giữa Bộ Bru chính, Viễn thông, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Công an và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quản lý đại lý Internet và Thông tư liên tịch số 60/2006/TTLT-BVHTT-BBCVT-BCA ngày 01 tháng 6 năm 2006 giữa Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Bru chính, Viễn thông, Bộ Công an về quản lý trò chơi trực tuyến (online games).

**Điều 46. Tổ chức thực hiện**

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

---

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG****XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 02/VBHN-BTTTT

*Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2018***BỘ TRƯỞNG****Trương Minh Tuấn**

---

*d) Khoản 1 Điều 3; Điều 4; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 27 Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.*

*3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./..”*

**PHỤ LỤC I<sup>64</sup>**

*(Kèm theo Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn”
Mẫu số 02	Báo cáo cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế
Mẫu số 03	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (áp dụng cho chủ điểm là cá nhân)
Mẫu số 04	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (áp dụng cho chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)
Mẫu số 05	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử (áp dụng cho chủ điểm là cá nhân)
Mẫu số 06	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử (áp dụng cho chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)
Mẫu số 07	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (áp dụng cho chủ điểm là cá nhân)
Mẫu số 08	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (áp dụng cho chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)
Mẫu số 09	Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (áp dụng cho chủ điểm cá nhân)
Mẫu số 10	Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (áp dụng cho chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)
Mẫu số 11	Quyết định gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

<sup>64</sup> Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

Mẫu số 12	Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (áp dụng cho chủ điểm là cá nhân)
Mẫu số 13	Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (áp dụng cho chủ điểm là tổ chức)
Mẫu số 14	Báo cáo tình hình hoạt động của các điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (năm 20...)
Mẫu số 15	Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mẫu số 16	Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mẫu số 17	Đơn đề nghị phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mẫu số 18	Quyết định về việc phê duyệt nội dung kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mẫu số 19	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4
Mẫu số 20	Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng
Mẫu số 21	Thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng
Mẫu số 22	Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng
Mẫu số 23	Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
Mẫu số 24	Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp trên mạng
Mẫu số 25	Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng xã hội trên mạng
Mẫu số 26	Giấy phép thiết lập mạng xã hội trên mạng
Mẫu số 27	Các nội dung cần được quy định trong hợp đồng cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn” ký giữa Trung tâm Internet Việt Nam và doanh nghiệp đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn”

Mẫu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ,  
DUY TRÌ TÊN MIỀN “.VN”****Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam**

## 1. Thông tin về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:.....
- Tên giao dịch quốc tế:.....
- Tên viết tắt:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Email:.....
- Website:.....

## 2. Đầu mối liên hệ

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....
- Chức vụ:.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Email:.....

3. Nội dung: Doanh nghiệp có nhu cầu cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn”, đề nghị Trung tâm Internet Việt Nam xem xét ký hợp đồng để cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn” ra cộng đồng.

Doanh nghiệp cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật và bảo đảm tuân thủ thực hiện hợp đồng Nhà đăng ký tên miền “.vn” theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, quản lý thông tin điện tử trên Internet./.

**Xác nhận của doanh nghiệp***(Người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 02

**TÊN NHÀ ĐĂNG KÝ**  
**TÊN MIỀN QUỐC TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ,  
DUY TRÌ TÊN MIỀN QUỐC TẾ**

Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam

1. Thông tin về Nhà đăng ký tên miền quốc tế

- Tên doanh nghiệp.....
- Tên giao dịch quốc tế:.....
- Tên viết tắt:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Hộp thư điện tử:.....
- Website:.....

2. Đầu mối liên hệ

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của Nhà đăng ký:.....
- Chức vụ:.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Hộp thư điện tử:.....

3. Thông tin về đối tác ký hợp đồng để cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam (đánh vào ô tương ứng):

Là Tổ chức quản lý tên miền quốc tế ICANN.

Là Nhà đăng ký tên miền chính thức (accredited registrar) của tổ chức quản lý tên miền quốc tế

- Tên đối tác:.....
- Tên viết tắt:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại/Fax:.....
- Hộp thư điện tử.....
- Website:.....

#### 4. Cam kết

Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và quản lý thông tin điện tử trên Internet./.

**Xác nhận của Nhà đăng ký  
tên miền quốc tế tại Việt Nam**  
*(Người đại diện theo pháp luật  
ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 03

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ.....  
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
(UBND QUẬN/HUYỆN.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

Số GCN:.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ  
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**

(Có giá trị đến ngày.... tháng.... năm....)

Cấp lần đầu ngày.... tháng.... năm....

Sửa đổi, bổ sung/cấp lại ngày.... tháng.... năm....

(Áp dụng cho chủ điểm là cá nhân)

**SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH/THÀNH PHỐ.....  
(ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN.....)**

**CHỨNG NHẬN**

Họ và tên chủ điểm:.....

Số CMND/thẻ CCCD/hộ chiếu:.....

Ngày cấp:..../.../....; Nơi cấp:.....

Địa chỉ nơi ở hiện tại:.....

Điện thoại (Tel.):..... Fax:.....

Địa chỉ thư điện tử:.....

Số giấy chứng nhận ĐKKD:.....

**Đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo các quy định sau đây:**

1. Tên điểm:.....

2. Địa chỉ của điểm (số nhà, thôn/phố, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.....

3. Tổng diện tích các phòng máy (m<sup>2</sup>):.....

Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử chỉ được hoạt động tại địa chỉ quy định tại điểm 2 Giấy chứng nhận này, không được hoạt động từ 22 giờ đêm đến 8 giờ sáng hôm sau, duy trì đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoạt động quy định tại Điều 35 Nghị định này và thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 36 Nghị định này trong suốt thời gian hoạt động./.

**GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
/CHỦ TỊCH UBND QUẬN/HUYỆN**

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ.....  
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
(UBND QUẬN/HUYỆN.....)

Mẫu số 04  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

Số GCN:.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ  
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**

(Có giá trị đến ngày.... tháng.... năm....)

Cấp lần đầu ngày.... tháng.... năm....

Sửa đổi, bổ sung/cấp lại ngày.... tháng.... năm....

(Áp dụng cho chủ điểm là cá nhân)

**SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH/THÀNH PHỐ.....  
(ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN.....)**

**CHỨNG NHẬN**

Tên chủ điểm:.....

Số giấy chứng nhận ĐKKD hoặc số quyết định thành lập:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa chỉ thư điện tử:.....

**Đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo các quy định sau đây:**

1. Tên điểm:.....

2. Địa chỉ của điểm (số nhà, thôn/phố, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương):.....

3. Cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:

a) Họ và tên:.....

b) Điện thoại:.....

c) Số CMND/thẻ CCCD/hộ chiếu:.....;

Ngày cấp:...../...../.....; Nơi cấp:.....

4. Tổng diện tích các phòng máy (m<sup>2</sup>):.....

Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử chỉ được hoạt động tại địa chỉ quy định tại điểm 2 Giấy chứng nhận này, không được hoạt động từ 22 giờ đêm đến 8 giờ sáng hôm sau, duy trì đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoạt động quy định tại Điều 35 Nghị định này và thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 36 Nghị định này trong suốt thời gian hoạt động./.

**GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG/  
CHỦ TỊCH UBND QUẬN/HUYỆN**

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN****HOẠT ĐỘNG ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ**

(Áp dụng cho chủ điểm là cá nhân)

Kính gửi: (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh/thành phố.....  
/Ủy ban nhân dân quận, huyện.....)

Tôi đề nghị được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

- Họ và tên:.....  
Số CMND/thẻ CCCD/hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ liên hệ:.....  
Điện thoại:..... Địa chỉ thư điện tử:.....
- Tên điểm:.....
- Số đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.....
- Địa chỉ của địa điểm kinh doanh (số nhà, thôn/phố, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương):.....
- Tổng diện tích các phòng máy (m<sup>2</sup>):.....
- Số lượng máy tính dự kiến:.....

**Phần 2. Tài liệu kèm theo**

- Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;
- Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm;
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).....

**Phần 3. Cam kết**

Tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo.
- Nếu được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng, tôi cam kết giữ an ninh trật tự địa phương, tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ của cơ quan công an và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng./.

**CHỦ ĐIỂM**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN****HOẠT ĐỘNG ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ**

(Áp dụng cho chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)

Kính gửi: (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh/thành phố.....  
/Ủy ban nhân dân quận, huyện.....)

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số quyết định thành lập của tổ chức:

Số:..... Ngày cấp:..... Cơ quan cấp:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại liên hệ:..... Fax:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

2. Tên điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng:.....

3. Thông tin của cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:

- Họ và tên:.....

- Số CMND/thẻ CCCD/hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

- Điện thoại liên hệ:..... Địa chỉ thư điện tử:.....

4. Địa chỉ của địa điểm kinh doanh (số nhà, thôn/phố, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.....

5. Tổng diện tích các phòng máy (m<sup>2</sup>).....

6. Số lượng máy tính dự kiến:.....

**Phần 2. Tài liệu kèm theo**

1. Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;
2. Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;
3. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).....

**Phần 3. Cam kết**

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo.
2. Nếu được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo đơn này, (tên tổ chức, doanh nghiệp) cam kết giữ an ninh trật tự địa phương, tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ của cơ quan công an và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng./.

**CHỦ ĐIỂM**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Mẫu số 07

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG  
ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**

(Áp dụng cho chủ điểm là cá nhân)

Kính gửi: (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh/thành phố.....  
/Ủy ban nhân dân quận, huyện.....)

Tôi đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Họ và tên:.....

Số CMND/thẻ CCCD/hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Điện thoại liên hệ:..... Địa chỉ thư điện tử:.....

2. Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:

Tên điểm:.....

Địa chỉ.....

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng số..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

**Phần 2. Nội dung và lý do sửa đổi, bổ sung**

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

2. Lý do sửa đổi, bổ sung:.....

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

- Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm;

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

**Phần 4. Cam kết**

Tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng sửa đổi, bổ sung, tôi sẽ tiếp tục chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng theo quy định./.

**CHỦ ĐIỂM**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 08

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG  
ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**

(Áp dụng cho chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)

Kính gửi: (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh/thành phố.....  
/Ủy ban nhân dân quận, huyện.....)

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại liên hệ:..... Địa chỉ thư điện tử:.....

2. Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:

Tên điểm:.....

Địa chỉ:.....

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng số..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

**Phần 2. Nội dung và lý do sửa đổi, bổ sung**

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

2. Lý do sửa đổi, bổ sung:.....

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

Các tài liệu liên quan (nếu có)

**Phần 4. Cam kết**

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng sửa đổi, bổ sung, (tên tổ chức, doanh nghiệp) sẽ tiếp tục chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng./.

**CHỦ ĐIỂM**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu số 09

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN****GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG ĐIỂM  
CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**

(Áp dụng cho chủ điểm cá nhân)

Kính gửi: (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh/thành phố.....  
/Ủy ban nhân dân quận, huyện.....)

Tôi đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Họ và tên:.....

Số CMND/thẻ CCCD/hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Điện thoại liên hệ:..... Địa chỉ thư điện tử:.....

2. Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:

Tên điểm:.....

Địa chỉ.....

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng số..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

**Phần 2. Lý do và thời gian đề nghị gia hạn**

Lý do đề nghị gia hạn:.....

Thời gian đề nghị gia hạn:..... tháng

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

- Bản sao có chứng thực chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm;

- Các tài liệu kèm theo (nếu có)

**Phần 4. Cam kết**

Tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng, tôi sẽ tiếp tục chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng./.

**CHỦ ĐIỂM**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 10

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN****GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG ĐIỂM****CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**

(Áp dụng cho chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)

Kính gửi: (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh/thành phố.....  
/Ủy ban nhân dân quận, huyện.....)

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại liên hệ:..... Địa chỉ thư điện tử:.....

2. Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:

Tên điểm:.....

Địa chỉ.....

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng số..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

**Phần 2. Lý do và thời gian đề nghị gia hạn**

Lý do:.....

Thời gian đề nghị gia hạn:..... tháng

**Phần 3. Tài liệu kèm theo (nếu có)****Phần 4. Cam kết**

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng, tôi sẽ tiếp tục chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng./.

**CHỦ ĐIỂM**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu số 11

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ.....  
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
(UBND QUẬN/HUYỆN.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm 20...

Số:.....

**QUYẾT ĐỊNH GIA HẠN  
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG ĐIỂM CUNG CẤP  
DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
TỈNH/THÀNH PHỐ....**

**(CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN/HUYỆN.....)**

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Gia hạn thời gian có hiệu lực của Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng số..... cấp ngày..... tháng..... năm..... của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng..... (tên điểm), địa chỉ:..... đến ngày..... tháng..... năm.....

**Điều 2.** Chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG/  
CHỦ TỊCH UBND QUẬN/HUYỆN**  
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Mẫu số 12

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI****GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG ĐIỂM CUNG CẤP  
DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**

(Áp dụng cho chủ điểm là cá nhân)

Kính gửi: (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh/thành phố.....

/Ủy ban nhân dân quận, huyện.....)

Tôi đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Họ và tên của chủ điểm:.....

Số CMND/thẻ CCCD/hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Điện thoại liên hệ:..... Địa chỉ thư điện tử:.....

2. Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:

Tên điểm:.....

Địa chỉ.....

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng số..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

**Phần 2. Lý do đề nghị cấp lại**

.....

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. Bản sao có chứng thực chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm.

2. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

**Phần 4. Cam kết**

Tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng, tôi sẽ tiếp tục chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng./.

**CHỦ ĐIỂM**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI****GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG ĐIỂM  
CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÔNG CỘNG**

(Áp dụng cho chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)

Kính gửi: (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh/thành phố.....  
/Ủy ban nhân dân quận, huyện.....)

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại liên hệ:..... Địa chỉ thư điện tử:.....

2. Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:

Tên điểm:.....

Địa chỉ.....

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng số..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

**Phần 2. Lý do đề nghị cấp lại**

.....

**Phần 3. Tài liệu kèm theo (nếu có)****Phần 4. Cam kết**

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng, tôi sẽ tiếp tục chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng./.

**CHỦ ĐIỂM**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu số 14

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ.....  
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-STTTT

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**  
**Của các điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò**  
**chơi điện tử công cộng (năm 20.....)**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh/thành phố..... báo cáo công tác quản lý và tình hình hoạt động của các điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn từ 01/12/... đến hết ngày 30/11/... như sau:

## 1. Công tác quản lý nhà nước

a) Các hoạt động chính (phổ biến pháp luật, cấp và thu hồi giấy phép, thanh kiểm tra, các hoạt động khác).

b) Các văn bản tỉnh, thành phố mới ban hành (kèm theo bản copy hoặc đường link).

c) Số lượng các giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng cấp mới, thu hồi.

2. Tình hình hoạt động và tuân thủ pháp luật của các điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp trò chơi điện tử và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

3. Số lượng các điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử tính đến ngày 30/11/20...

STT	Loại điểm	Số lượng
1	Đại lý Internet	
2	Điểm cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp Internet	
3	Điểm truy nhập Internet công cộng tại nhà hàng, khách sạn, sân bay, quán café và các điểm công cộng khác	
<b>Tổng số</b>		

4. Số lượng các điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng tính đến ngày 30/11/20...

<b>STT</b>	<b>Loại điểm</b>	<b>Số lượng</b>
1	Đại lý Internet	
2	Điểm cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp Internet	
3	Điểm truy nhập Internet công cộng tại nhà hàng, khách sạn, sân bay, quán café và các điểm công cộng khác	
4	Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng không kết nối Internet	
<b>Tổng số</b>		

5. Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất.

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*

Mẫu số 15

**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**

Kính gửi:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa).....  
 - Tên giao dịch quốc tế:.....  
 - Tên viết tắt:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....  
 Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....  
 Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:..... do.....  
 cấp ngày... tháng... năm... do....
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:  
 Chức vụ:..... Số điện thoại liên lạc:.....
5. Địa chỉ đặt máy chủ, doanh nghiệp cho thuê máy chủ, cho thuê chỗ đặt máy chủ:
6. Thời hạn đề nghị cấp phép: (tối đa 10 năm).
7. Tài liệu kèm theo:
8. Cam kết: (Tên doanh nghiệp) xin cam kết:
  - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo.
  - Nếu được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động cung cấp trò chơi điện tử trên mạng và các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*



2. Địa chỉ đặt máy chủ, doanh nghiệp cho thuê máy chủ, cho thuê chỗ đặt máy chủ:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....

- Số điện thoại liên hệ:

4. Giấy phép này có giá trị trong..... năm và có hiệu lực kể từ ngày ký.

5. Doanh nghiệp được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; cam kết của doanh nghiệp tại Đơn đề nghị cấp giấy phép; những điều ghi trong Giấy phép này./.

***Nơi nhận:***

- Doanh nghiệp được cấp giấy phép;
- Bộ Công an;
- Cục Viễn thông;
- Sở TTTT địa phương;
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT.

**BỘ TRƯỞNG**

Mẫu số 17

**TÊN DOANH NGHIỆP**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT**  
**NỘI DUNG, KỊCH BẢN TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: - Bộ Thông tin và Truyền thông;  
 - Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa).....  
 - Tên giao dịch quốc tế:.....  
 - Tên viết tắt:.....
2. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 số:.... cấp ngày... tháng... năm... do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về trò chơi điện tử G1 trên mạng đề nghị phê duyệt nội dung, kịch bản:**

1. Tên trò chơi:.....  
 - Tên tiếng Việt  
 - Các tên tiếng nước ngoài
2. Phiên bản trò chơi (tên phiên bản nếu có):.....
3. Kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi:.....
4. Ngôn ngữ thể hiện:.....
5. Nguồn gốc trò chơi:.....
6. Mô tả nội dung, kịch bản trò chơi:.....
7. Địa chỉ đặt máy chủ tại Việt Nam (thông tin chi tiết):.....
8. Nhà cung cấp dịch vụ internet:.....
9. Phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ:.....  
 - Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:.....

- Kênh phân phối trò chơi cho thiết bị di động (tên doanh nghiệp, IP khi cung cấp trên ứng dụng cài đặt trên thiết bị di động):.....

10. Hình thức thu phí (thu phí giờ chơi hay bán vật phẩm ảo):.....

11. Phương thức thanh toán, hình thức thanh toán:.....

12. Họ tên người chịu trách nhiệm quản lý trò chơi:.....

- Chức vụ:.....

- Điện thoại liên lạc:.....

### **Phần 3. Tài liệu kèm theo** (quy định tại Điều 32g Nghị định này)

1.....

2.....

### **Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đăng ký thẩm định nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng và các quy định trong Quyết định phê duyệt nội dung kịch bản.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

- Lưu:.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Mẫu số 18

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày..... tháng.... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt nội dung kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng****BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng số: ...../GP-BTTTT ngày..... tháng..... năm.....;

Xét đề nghị của (Công ty có hồ sơ đề nghị thẩm định nội dung, kịch bản);

Căn cứ báo cáo của Hội đồng tư vấn thẩm định nội dung, kịch bản trò chơi điện tử về kết quả thẩm định trò chơi....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 theo các quy định sau:

1. Tên doanh nghiệp:

- Tên giao dịch quốc tế:.....

- Tên viết tắt:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....

- Điện thoại:..... Fax:.....

- Website:.....
- Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng số:...../GP-BTTTT ngày.... tháng.... năm....
2. Tên trò chơi điện tử G1 được cấp quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản:
- Tên tiếng Việt:.....
- Tên tiếng Anh:.....
- Phiên bản trò chơi:.....
3. Trò chơi dành cho độ tuổi:.....
4. Nguồn gốc trò chơi:.....
5. Ngôn ngữ sử dụng trong trò chơi:.....
6. Phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ:.....
- Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:.....
- Kênh phân phối trò chơi cho thiết bị di động:.....
7. Doanh nghiệp được cấp phép thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bản quyền khi cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng tại Việt Nam.
8. Doanh nghiệp được cấp Quyết định phê duyệt nội dung kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; thực hiện đúng cam kết của doanh nghiệp tại Đơn đề nghị phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng và những điều ghi trong Quyết định này.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Công an;
- Cục Viễn thông;
- Sở TTTT địa phương;
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Cục PTTT&TTĐT.

**BỘ TRƯỞNG**

Mẫu số 19

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G2, G3, G4**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa).....  
 - Tên giao dịch quốc tế:.....  
 - Tên viết tắt:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....  
 Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....  
 Điện thoại:..... Fax:..... Website.....
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do....  
 cấp ngày... tháng... năm... tại...
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:  
 Chức vụ:..... Số điện thoại liên lạc:.....
5. Thời hạn đăng ký cung cấp dịch vụ: (tối đa không quá 10 năm)
6. Thẻ loại trò chơi điện tử cung cấp trên mạng (G2, G3, G4):
7. Phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ:
  - a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:
  - b) Kênh phân phối trò chơi cho thiết bị di động (tên doanh nghiệp, IP khi cung cấp trên ứng dụng cài đặt trên thiết bị di động):
8. Địa chỉ đặt máy chủ tại Việt Nam (thông tin chi tiết):
9. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet:
10. Tài liệu kèm theo
11. Cam kết  
 (Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng và các tài liệu kèm theo.

- Nếu được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng và các quy định trong giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

- Lưu:.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Mẫu số 20

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
 VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Số: ...../GCN-PTTH&amp;TTĐT

Hà Nội, ngày tháng năm.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ  
 TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ TRÊN MẠNG**

**CỤC TRƯỞNG CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH  
 VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Quyết định số 698/QĐ-BTTTT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;

Theo đề nghị của..... (doanh nghiệp đề nghị cấp đăng ký);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thông tin điện tử,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng theo những quy định sau:**

1. Tên doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận:

- Tên giao dịch quốc tế:.....

- Tên viết tắt:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Website:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp ngày..... tháng..... năm.....

2. Phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:

b) Kênh phân phối trò chơi cho thiết bị di động:

3. Thử loại trò chơi điện tử cung cấp trên mạng (G2, G3, G4):

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Số điện thoại liên hệ:

5. Doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; thực hiện đúng cam kết của doanh nghiệp tại Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng và những điều ghi trong Giấy chứng nhận này./.

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận;
- Bộ Công an;
- Sở TT&TT địa phương;
- Cục Viễn thông;
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng;
- Lưu: VT, P.TTĐT (02).

**CỤC TRƯỞNG**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1.....

2.....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng và các tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng và các quy định trong Giấy xác nhận thông báo này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

- Lưu:.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP***(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Mẫu số 22

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GCNPTTH&amp;TTĐT

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm.....

**GIẤY XÁC NHẬN**  
**THÔNG BÁO CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ TRÊN MẠNG**

**CỤC TRƯỞNG CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**  
**VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Quyết định số 698/QĐ-BTTTT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng số ngày... tháng.... năm.....

Căn cứ thông báo cung cấp trò chơi điện tử của..... (doanh nghiệp thông báo);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thông tin điện tử,

**Xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng với những nội dung sau:**

1. Tên doanh nghiệp:

- Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng số:..... do Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử cấp ngày... tháng... năm...

## 2. Nội dung thông báo:

TT	Tên trò chơi (tên tiếng Việt và tiếng nước ngoài)	Kết quả phân loại trò chơi theo độ tuổi	Ngôn ngữ thể hiện	Loại hình trò chơi cung cấp (G2, G3, G4)	Phạm vi, phương thức cung cấp dịch vụ		
					Trên trang thông tin điện tử tại tên miền	Kênh phân phối ứng dụng cài đặt cho thiết bị di động	Địa chỉ IP
1							
2							

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi theo đúng nội dung đã thông báo và phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng./.

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp được cấp giấy xác nhận;
- Bộ Công an;
- Cục Viễn thông;
- Sở TTTT địa phương;
- Thứ trưởng;
- Lưu: VT, P.TTĐT (02).

**CỤC TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 23

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
 TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):.....
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:.....
3. Mục đích thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:.....
4. Nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp; các chuyên mục, loại hình thông tin:

  5. Đối tượng phục vụ:.....
  6. Nguồn tin:.....
  7. Phạm vi cung cấp thông tin:.....
    - a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:.....
    - b) Qua hệ thống phân phối ứng dụng khi cung cấp cho các thiết bị di động:.....
  8. Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet:.....
  9. Địa điểm đặt máy chủ tại Việt Nam:.....
  10. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung trang thông tin điện tử tổng hợp:
    - Họ và tên:.....
    - Chức danh:.....
    - Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....
  11. Trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:.....

12. Thời gian đề nghị cấp phép:..... năm..... tháng.

Cam đoan thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Cơ quan chủ quản (nếu có);

.....

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

(Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

**Mẫu số 24**

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
(UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CỤC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH**

**VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

....., ngày tháng năm

**(SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN  
THÔNG TỈNH, THÀNH PHỐ)**

Số:...../GP-TTĐT

**GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP TRÊN MẠNG**

**CỤC TRƯỞNG CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH  
VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
(GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG)**

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Quyết định số 698/QĐ-BTTTT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;

Theo đề nghị của..... (tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thông tin điện tử (Trưởng Phòng..., thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp trên mạng theo những quy định sau:**

1. Tên cơ quan chủ quản:.....
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang tin điện tử tổng hợp trên mạng:.....
3. Nội dung thông tin cung cấp lên mạng:.....
4. Nguồn tin:.....
5. Phạm vi cung cấp thông tin:.....
  - a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:.....
  - b) Qua hệ thống phân phối ứng dụng khi cung cấp cho các thiết bị di động:.....
6. Địa điểm đặt máy chủ tại Việt Nam:.....
7. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung trang thông tin điện tử tổng hợp:....
  - Họ và tên:.....
  - Chức danh:.....
  - Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....
8. Trụ sở cơ quan:.....  
Điện thoại:..... Fax:.....
9. Giấy phép này có giá trị trong..... năm.
10. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.
11. Cơ quan được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp trên mạng phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành và những điều ghi trong Giấy phép này./.

**Nơi nhận:**

- Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép;
- Cục trưởng (Giám đốc Sở TT&TT tỉnh, thành phố...);
- Cục PTT&TTĐT (đối với Giấy phép do Sở TT&TT tỉnh, thành phố cấp);
- Lưu: VT, PTT&TTĐT (02).

**CỤC TRƯỞNG**  
**(GIÁM ĐỐC)**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 25

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
 THIẾT LẬP MẠNG XÃ HỘI TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông  
 (Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử)

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):.....
  2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập mạng xã hội:.....
  3. Mục đích thiết lập mạng xã hội:.....
  4. Loại hình dịch vụ mạng xã hội: (dịch vụ tạo blog, diễn đàn, trò chuyện trực tuyến....)
  5. Đối tượng phục vụ:.....
  6. Phạm vi cung cấp dịch vụ:.....
    - a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:.....
    - b) Qua hệ thống phân phối ứng dụng khi cung cấp cho các thiết bị di động:.....
  7. Biện pháp quản lý:.....
  8. Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet:.....
  9. Địa điểm đặt máy chủ tại Việt Nam:.....
  10. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin trên trang mạng xã hội:
    - Họ và tên:.....
    - Chức danh:.....
    - Số điện thoại liên lạc (cố định và di động):.....
  11. Trụ sở:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Email:.....

12. Thời gian đề nghị cấp phép:..... năm..... tháng.

Cam đoan thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);

.....

**NGƯỜI ĐƯNG ĐẦU CƠ QUAN,  
TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Mẫu số 26

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-BTTTT

*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....***GIẤY PHÉP THIẾT LẬP MẠNG XÃ HỘI TRÊN MẠNG****BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Quyết định số 698/QĐ-BTTTT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;

Căn cứ đề nghị của..... (tổ chức, doanh nghiệp có hồ sơ đề nghị cấp phép thiết lập mạng xã hội);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,

**QUYẾT ĐỊNH:****CẤP GIẤY PHÉP THIẾT LẬP MẠNG XÃ HỘI TRÊN MẠNG THEO NHỮNG QUY ĐỊNH SAU:**

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp thiết lập mạng xã hội:.....
2. Mục đích thiết lập mạng xã hội:
3. Loại hình dịch vụ mạng xã hội:

4. Phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:

b) Qua hệ thống phân phối ứng dụng khi cung cấp cho các thiết bị di động:

5. Địa điểm đặt máy chủ tại Việt Nam:.....

6. Nhân sự chịu trách nhiệm:

- Họ tên:.....

- Số điện thoại (cố định và di động):.....

7. Trụ sở cơ quan:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:.....

8. Giấy phép có giá trị trong..... năm.

9. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

10. Cơ quan được cấp Giấy phép thiết lập mạng xã hội trên mạng phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành và những điều ghi trong Giấy phép này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Sở TT&TT tỉnh, thành phố (nơi tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép đóng trụ sở);

- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT.

**BỘ TRƯỞNG**

**Mẫu số 27****Các nội dung cần được quy định trong hợp đồng cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn” ký giữa Trung tâm Internet Việt Nam và doanh nghiệp đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn”**

1. Đối tượng của hợp đồng.
2. Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng.
3. Quyền hạn và trách nhiệm của các bên
  - a) Quyền hạn và trách nhiệm của bên A (Trung tâm Internet Việt Nam): nêu cụ thể các trách nhiệm về hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động các Nhà đăng ký tên miền “.vn”;
  - b) Quyền hạn và trách nhiệm của bên B (Nhà đăng ký tên miền “.vn”): Nêu cụ thể các quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp trong cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn” theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định này.
4. Thỏa thuận đáp ứng về tiêu chuẩn Nhà đăng ký tên miền “.vn” quy định tại Điều 14 Nghị định này, trong đó yêu cầu năng lực về nhân sự và kỹ thuật theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định này, cụ thể như sau:
  - a) Có số lượng cán bộ kỹ thuật chuyên trách phụ trách về quản trị mạng lưới dịch vụ và cán bộ chuyên trách quản lý nghiệp vụ tên miền “.vn” phù hợp với quy mô cung cấp dịch vụ;
  - b) Có hạ tầng mạng lưới kỹ thuật, hệ thống máy chủ DNS được kết nối với hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm Internet Việt Nam theo quy định về tiêu chuẩn chất lượng kết nối viễn thông;
  - c) Có cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý việc đăng ký, thu phí, khai báo tên miền “.vn”;
  - d) Có giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin; sao lưu dự phòng và khôi phục nhanh chóng các dữ liệu khi sự cố xảy ra.
5. Thỏa thuận cam kết về kế hoạch triển khai các dịch vụ phát triển tên miền “.vn” và số lượng phát triển dịch vụ.
6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.
7. Trách nhiệm khi chấm dứt hợp đồng.
8. Phạt vi phạm hợp đồng.
9. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự.

**PHỤ LỤC II<sup>65</sup>****KỸ NĂNG QUẢN TRỊ MẠNG TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ***(Kèm theo Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ)*

<b>Mã tham chiếu</b>	<b>Nội dung/Yêu cầu cần đạt</b>
IU13.1	Kiến thức cơ bản về trang thông tin điện tử (website), xuất bản website và các vấn đề liên quan
IU13.1.1	Các khái niệm và thuật ngữ chính
IU13.1.1.1	Hiểu khái niệm ứng dụng web. Biết phân biệt web với các dịch vụ Internet hỗ trợ khác (Ví dụ: truyền tệp, thư điện tử, nhắn tin)
IU13.1.1.2	Hiểu khái niệm máy chủ web (web server), trình duyệt (browser) và sự tương tác giữa chúng. Hiểu các khái niệm miền (domain), URL (Uniform Resource Locator), siêu liên kết, thuê máy chủ web (web hosting), bộ tìm kiếm (search engine)
IU13.1.1.3	Biết khái niệm giao thức (protocol). Phân biệt các giao thức TCP/IP, HTTP, FTP
IU13.1.2	Xuất bản website
IU13.1.2.1	Hiểu khái niệm xuất bản trang web (webpage), website. Biết các công việc cần làm để sở hữu một website (đăng ký tên miền, chọn dịch vụ thuê máy chủ)
IU13.1.2.2	Biết các bước để xây dựng một website như hoạch định, thiết kế, cập nhật nội dung, tải lên máy chủ web, phát hành và bảo trì. Biết các nhân tố quan trọng tạo nên một website hiệu quả như hỗ trợ tìm kiếm, hỗ trợ tải nội dung
IU13.1.2.3	Biết các kỹ thuật tối ưu hóa trình tìm kiếm trên website như siêu dữ liệu, sơ đồ cấu trúc của website và liên kết website

<sup>65</sup> Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018

<b>Mã tham chiếu</b>	<b>Nội dung/Yêu cầu cần đạt</b>
IU13.1.2.4	Biết các nhân tố ảnh hưởng đến tốc độ tải xuống một trang web. Nhận biết các định dạng tệp âm thanh, video, đồ họa phù hợp để tối ưu hóa tốc độ tải xuống.
IU13.1.2.5	Hiểu thuật ngữ bản quyền (copyright) đối với các nội dung trên các website
IU13.1.2.6	Hiểu cần phải tuân thủ các quy định của luật pháp nơi website được đặt đối với việc đăng tải nội dung trên website
IU13.2	Thiết kế website
IU13.2.1	Cơ bản về HTML
IU13.2.1.1	Hiểu khái niệm HTML (HyperText Markup Language) - ngôn ngữ để viết mã nguồn của một ứng dụng web. Hiểu khái niệm thẻ đánh dấu (tag) và công dụng. Biết cú pháp của một câu lệnh HTML. Biết về Liên minh W3C (World Wide Web consortium) và các khuyến nghị phát triển HTML của W3C
IU13.2.1.2	Biết sử dụng các thẻ đánh dấu để cấu trúc việc trình bày một trang web (<html>, <head>, <title>, <body>) và để thể hiện một trang web (<h1>, <h2>, <p>,  , <a>, <img>)
IU13.2.2	Hoạch định và thiết kế website
IU13.2.2.1	Biết quy trình và các kỹ thuật để hoạch định và thiết kế website (xác định đối tượng phục vụ chính và phân tích, đánh giá nhu cầu của đối tượng này, xây dựng các kịch bản tìm kiếm và khai thác thông tin, lập sơ đồ cấu trúc của website, sơ đồ tìm kiếm)
IU13.2.2.2	Biết sử dụng các Phần mềm ứng dụng làm website. Biết sử dụng Phần trợ giúp của Phần mềm này
IU13.2.2.3	Biết tạo, ghi trang web, website mới tạo lên thiết bị lưu trữ, Biết cách sử dụng các trang web mẫu để tạo trang web
IU13.2.2.4	Biết biên tập tên trang web
IU13.2.2.5	Biết cách sử dụng trình duyệt để xem mã nguồn dạng HTML của một trang web. Biết chuyển qua lại giữa mã nguồn và trang web

<b>Mã tham chiếu</b>	<b>Nội dung/Yêu cầu cần đạt</b>
IU13.2.2.6	Hiểu cách đặt các thông số chính trong Phần mềm phát triển web như trình duyệt mặc định dùng xem trước nội dung, cách mã hóa, phong chữ mặc định. Biết các kinh nghiệm tốt khi trình bày (ví dụ: chọn phong chữ)
IU13.3	Xây dựng nội dung cho website
IU13.3.1	Văn bản, đoạn, trang
IU13.3.1.1	Biết cách nhập, biên tập, xóa văn bản
IU13.3.1.2	Biết các cách định dạng phong chữ như tên, cỡ, đậm, nghiêng, kiểu dáng và màu
IU13.3.1.3	Biết cách chọn một đoạn, cách đưa vào/loại bỏ các dấu ngắt đoạn, ngắt dòng
IU13.3.1.4	Biết các cách định dạng đoạn như đặt lề, thụt dòng, đánh số, đánh dấu đầu dòng (bullet)
IU13.3.1.5	Biết cách định dạng một trang web, cách đặt lề, xử lý màu nền, ảnh nền
IU13.3.2	Siêu liên kết
IU13.3.2.1	Hiểu khái niệm siêu liên kết (hyperlink), phân biệt siêu liên kết tuyệt đối và tương đối
IU13.3.2.2	Biết nhập, biên tập và hủy một siêu liên kết thông thường, một siêu liên kết thư điện tử
IU13.3.2.3	Biết cách xác định đích của siêu liên kết trên cùng cửa sổ, khác cửa sổ
IU13.3.1.4	Biết cách thay đổi màu siêu liên kết truy cập (visited), không truy cập (unvisited), hoạt động (active)
IU13.3.1.5	Biết khái niệm và cách sử dụng neo (anchor)
IU13.3.3	Bảng

<b>Mã tham chiếu</b>	<b>Nội dung/Yêu cầu cần đạt</b>
IU13.3.3.1	Biết cách đưa một bảng lên trang web, cách xóa bảng khỏi trang web
IU13.3.3.2	Biết cách thêm, xóa tiêu đề (caption) của bảng. Biết cách thêm, xóa dòng, cột; thay đổi độ rộng cột, độ cao dòng; hợp, tách các ô của bảng
IU13.3.3.3	Biết cách căn lề bảng theo lề trái, giữa, phải; cách thay đổi độ rộng biên của bảng; thay đổi các tham số ô
IU13.3.3.4	Biết cách trang trí bảng: thay đổi màu nền, hình minh họa, ảnh nền của ô và toàn bảng; thêm, loại bỏ đồ họa, ảnh nền của bảng
IU13.3.4	Ảnh, minh họa
IU13.3.4.1	Biết cách thêm vào, gỡ bỏ một ảnh trên trang web
IU13.3.4.2	Biết cách đặt, thay đổi thuộc tính cho ảnh như kích thước, biên, căn lề
IU13.3.5	Biểu mẫu
IU13.3.5.1	Biết cách nhập biểu mẫu (form) lên trang web
IU13.3.5.2	Biết cách thêm, loại bỏ các trường của biểu mẫu: văn bản (text), hộp thả xuống (drop-down), hộp đánh dấu (check box), nút radio (radio button). Biết cách đặt, thay đổi đặc tính các trường trên
IU13.3.5.3	Biết cách gửi một kết xuất biểu mẫu qua thư điện tử
IU13.4	CSS (Cascading Style Sheets)
IU13.4.1	Khái niệm CSS
IU13.4.1.1	Hiểu khái niệm CSS, công dụng và lợi ích của CSS. Biết cách sử dụng các kiểu định dạng (style): trong dòng (inline), bên trong (internal), bên ngoài (external)
IU13.4.1.2	Hiểu cấu trúc của một quy tắc CSS và biết cách áp dụng để chọn và khai báo đặc tính, giá trị. Biết cách tạo, thay đổi quy tắc CSS: màu, nền, phông chữ

<b>Mã tham chiếu</b>	<b>Nội dung/Yêu cầu cần đạt</b>
IU13.4.1.3	Biết cách tạo, ghi một tệp CSS mới
IU13.4.1.4	Biết cách nhúng một CSS ngoài vào trang web
IU13.5	Tải lên máy chủ và phát hành web
IU13.5.1	Kiểm tra
IU13.5.1.1	Biết cách xác định và xử lý các liên kết bị đứt trong một website
IU13.5.1.2	Biết cách áp dụng kiểm tra chính tả tự động; biết cách để đảm bảo sự tương thích của nội dung và trình duyệt; biết đưa các thông tin giúp theo dõi và cập nhật trang (ngày sửa đổi gần nhất, thông tin về Phần mềm dùng để mở và xem)
IU13.5.2	Phát hành
IU13.5.2.1	Hiểu tiến trình tải nội dung lên máy chủ web, tải một website xuống từ một máy chủ web
IU13.5.2.2	Biết cách tải lên, tải xuống một website

**PHỤ LỤC III<sup>66</sup>****KỸ NĂNG AN TOÀN, BẢO MẬT THÔNG TIN***(Kèm theo Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ)*

<b>Mã tham chiếu</b>	<b>Nội dung/Yêu cầu cần đạt</b>
<b>IU14.1</b>	<b>Kiến thức cơ bản về an toàn thông tin</b>
<b>IU14.1.1</b>	<b>Các nguy cơ mất an toàn thông tin</b>
IU14.1.1.1	Biết phân biệt giữa dữ liệu và thông tin. Biết cách thức lưu trữ, vận chuyển dữ liệu và thông tin trong môi trường truyền thông
IU14.1.1.2	Hiểu các loại nguy cơ đối với dữ liệu: mất cắp, mất an toàn (safety) về vật lý (hur hỏng môi trường lưu giữ, các thảm họa - chiến tranh, thiên tai, cháy nổ), không đảm bảo an toàn thông tin trong khai thác, sử dụng
IU14.1.1.3	Hiểu nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn thông tin: từ nhân viên, các nhà cung cấp dịch vụ, từ các cá nhân bên ngoài. Hiểu khái niệm tội phạm mạng (cybercrime)
IU14.1.1.4	Biết các điểm yếu của máy tính cá nhân (lây nhiễm virus và các Phần mềm độc hại - malware)
IU14.1.1.5	Biết về các lỗ hổng bảo mật hệ thống: của hệ Điều hành, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, dịch vụ Internet. Biết các khái niệm và phương thức hoạt động của các thiết bị bảo mật
<b>IU14.1.2</b>	<b>Các lĩnh vực an toàn thông tin</b>
IU14.1.2.1	Hiểu và phân biệt việc đảm bảo an toàn cho tổ chức như chính phủ, doanh nghiệp và đảm bảo an toàn cho cá nhân khi tham gia các hoạt động trên mạng

<sup>66</sup>Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

IU14.1.2.2	Biết các đặc trưng cơ bản của an toàn thông tin: tính mật, tính toàn vẹn, tính sẵn sàng, tính xác thực
IU14.1.2.3	Biết các quy định phổ biến về bảo vệ, gìn giữ và kiểm soát dữ liệu, sự riêng tư tại Việt Nam
IU14.1.2.4	Hiểu vai trò của các lĩnh vực liên quan đến an toàn dữ liệu: chính sách, tổ chức, biện pháp quản lý và các giải pháp công nghệ
IU14.1.2.5	Biết về tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 27001:2009. Biết một số chính sách cơ bản về an toàn thông tin và một số văn bản pháp luật về an toàn thông tin của Việt Nam. Hiểu tầm quan trọng của việc xây dựng và thi hành chính sách an toàn thông tin đối với việc ứng dụng CNTT
<b>IU14.2</b>	<b>Các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu</b>
<b>IU14.2.1</b>	<b>Phòng chống virus</b>
IU14.2.1.1	Hiểu cách virus thâm nhập vào máy tính (ví dụ: khi sao chép các tệp vào máy tính, khi mở thư điện tử và các tệp đính kèm thư). Biết cách chủ động phòng, tránh virus cho máy tính cá nhân như tuân thủ chặt chẽ các quy tắc kiểm soát khi sao chép các tệp lạ, cài đặt Phần mềm; sử dụng các Phần mềm chống virus, Phần mềm an ninh mạng đúng cách
IU14.2.1.2	Hiểu tác dụng và hạn chế chung của Phần mềm diệt virus, Phần mềm an ninh mạng. Biết cách sử dụng hiệu quả các Phần mềm diệt virus, Phần mềm an ninh mạng và cập nhật thường xuyên các Phần mềm này
<b>IU14.2.2</b>	<b>Phòng chống lấy cắp thông tin cá nhân</b>
IU14.2.2.1	Hiểu về thông tin cá nhân: thông tin định danh (identity), tài Khoản cá nhân (tên người dùng, mật khẩu truy nhập); thông tin cá nhân, tài chính, kinh doanh, pháp lý và một số chi tiết liên quan đến cá nhân có thể bị lợi dụng, xâm hại khác
IU14.2.2.2	Hiểu cách thức thông tin cá nhân được sử dụng: để truy nhập vào máy tính, vào tệp, vào mạng và khai báo trong các giao dịch trên mạng

IU14.2.2.3	Hiểu cách thông tin cá nhân có thể bị lấy cắp thông qua các Phần mềm độc dùng để lấy cắp dữ liệu Phần mềm quảng cáo (adware), gián điệp (spyware), botnet, dò gõ phím (keystroke logging), quay số (dialler) và các Phần mềm tương tự
IU14.2.2.4	Biết một số hành vi tội phạm như thu thập trái phép thông tin, lừa đảo, truy nhập trái phép vào hệ thống máy tính. Biết một số phương thức thực hiện các hành vi phạm tội này như cuộc gọi qua điện thoại, lừa đảo (phishing), nhìn lén thông tin (shoulder surfing)
IU14.2.2.5	Biết cách phòng chống mất cắp thông tin cá nhân và phòng chống lừa đảo, lợi dụng trên mạng cơ bản như không cung cấp thông tin nhạy cảm, cảnh giác với các giao dịch lạ, áp dụng mật mã đối với các thông tin nhạy cảm
<b>IU14.2.3</b>	<b>Đảm bảo an toàn thông tin đối với tài liệu (tệp)</b>
IU14.2.3.1	Biết tầm quan trọng và hiệu quả của việc thiết lập chế độ an toàn chung (macro security settings)
IU14.2.3.2	Biết tầm quan trọng và cách đặt mật khẩu đối với tệp, tệp tin nén
IU14.2.3.3	Hiểu một số biện pháp mã hóa dữ liệu. Biết các ưu điểm và hạn chế khi sử dụng mật mã (encryption) đối với tài liệu
<b>IU14.3</b>	<b>An toàn mạng</b>
<b>IU14.3.1</b>	<b>Các loại tấn công mạng</b>
IU14.3.1.1	Biết một số phương thức tấn công mạng chủ yếu của tin tặc (hacker) như trinh sát, dò quét, tấn công vào các điểm yếu, sử dụng các lỗ hổng an toàn. Biết về một số dạng tấn công phổ biến qua mạng Internet chính như tấn công từ chối dịch vụ (DOS), botnet
IU14.3.1.2	Biết về các cơ chế và công nghệ chống lại tấn công trên mạng như phân vùng mạng, mạng riêng ảo (VPN), một số hệ thống bảo vệ phổ biến (ví dụ: tường lửa). Hiểu chức năng và giới hạn của tường lửa
IU14.3.1.3	Biết các công nghệ bảo vệ hệ thống cơ bản như đăng nhập, kiểm soát truy nhập, quản trị mật khẩu, quản trị người sử dụng, khai thác tệp tin hồ sơ truy nhập (log)

IU14.3.1.4	Hiểu các chế độ đảm bảo an toàn của mạng: kiểm soát Phần mềm độc, kiểm soát truy nhập trái phép dữ liệu, đảm bảo tính riêng tư (maintaining privacy). Biết cách kết nối với một mạng có các chế độ đảm bảo an toàn đó
<b>IU14.3.2</b>	<b>Bảo mật mạng không dây</b>
IU14.3.2.1	Biết ưu/nhược điểm của các phương thức kết nối với một mạng (cáp, không dây). Biết các vấn đề liên quan đến bảo mật mạng không dây. Biết các nguy cơ bị nghe trộm và đánh cắp dữ liệu từ mạng không dây
IU14.3.2.2	Hiểu tầm quan trọng của việc bảo vệ mật khẩu truy cập cho mạng không dây. Biết cách kết nối với một mạng không dây được bảo vệ/không được bảo vệ
IU14.3.2.3	Biết các phương pháp bảo mật cho mạng không dây như WEP (Wired Equivalent Privacy), WPA (Wi-Fi Protected Access), WPA2 (Wi-Fi Protected Access 2), MAC (Media Access Control)
<b>IU14.3.3</b>	<b>Kiểm soát truy nhập (Access Control)</b>
IU14.3.3.1	Biết nguyên lý và các kiến trúc hệ thống để phát hiện và chống xâm nhập trái phép. Biết các kỹ thuật phát hiện và ngăn chặn xâm nhập trái phép
IU14.3.3.2	Hiểu được Mục đích của một tài Khoản mạng và biết cách sử dụng nó để truy cập mạng
IU14.3.3.3	Biết cách vận dụng các chính sách mật khẩu tốt (không chia sẻ mật khẩu, thay đổi thường xuyên, đảm bảo chiều dài mật khẩu, mật khẩu có đầy đủ chữ, số và ký tự đặc biệt)
IU14.3.3.4	Biết về các giải pháp bảo mật sử dụng công nghệ sinh trắc học trong kiểm soát truy cập như dấu vân tay, quét mắt
<b>IU14.4</b>	<b>Sử dụng web an toàn</b>
<b>IU14.4.1</b>	<b>Duyệt web</b>
IU14.4.1.1	Hiểu sự cần thiết khi thực hiện các giao dịch trực tuyến (mua hàng, giao dịch tài chính) trên các trang web an toàn. Biết các dấu hiệu của một trang web an toàn như https, biểu tượng khóa

IU14.4.1.2	Biết khái niệm xác thực số. Hiểu lợi ích của mật khẩu dùng một lần
IU14.4.1.3	Biết cách sử dụng chế độ tự động hoàn chỉnh, tự động lưu khi soạn thảo một biểu mẫu khai trên mạng
IU14.4.1.4	Hiểu thuật ngữ cookie và biết cách chọn các cài đặt thích hợp để cho phép hoặc ngăn chặn cookie
IU14.4.1.5	Biết cách xóa dữ liệu cá nhân từ một trình duyệt như lịch sử duyệt web (browsing history), các tệp Internet được lưu (cached Internet files), mật khẩu (password), cookies, các dữ liệu tự điền (autocomplete data)
IU14.4.1.6	Hiểu được Mục đích, chức năng một số loại Phần mềm kiểm soát nội dung như Phần mềm lọc Internet, Phần mềm kiểm soát truy nhập Internet
<b>IU14.4.2</b>	<b>Mạng xã hội</b>
IU14.4.2.1	Hiểu biết về mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội. Hiểu được tầm quan trọng của việc không tiết lộ thông tin bí mật trên các trang web mạng xã hội
IU14.4.2.2	Hiểu sự cần thiết phải áp dụng các đặc tính riêng tư cho tài Khoản mạng xã hội
<b>IU14.4.3</b>	<b>Thư điện tử</b>
IU14.4.3.1	Hiểu Mục đích của việc mã hóa, giải mã đối với thư điện tử (e-mail)
IU14.4.3.2	Hiểu thuật ngữ chữ ký số. Biết cách tạo và điền một chữ ký số vào thư điện tử
IU14.4.3.3	Nhận biết nguy cơ từ các thư điện tử không rõ nguồn gốc
IU14.4.3.4	Biết khái niệm lừa đảo (phishing). Biết các đặc điểm chung của lừa đảo như dùng tên của các công ty, cá nhân hợp pháp, các liên kết web không đúng
IU14.4.3.5	Biết mối nguy hiểm đối với máy tính khi mở thư có đính kèm Phần mềm độc. Biết cách phòng ngừa khi mở các thư có đính kèm các tệp đáng nghi

<b>IU14.4.4</b>	<b>Tin nhắn tức thời</b>
IU14.4.4.1	Hiểu biết về các lỗ hổng bảo mật đối với tin nhắn tức thời (IM) như Phần mềm xấu, truy nhập theo lối cửa sau (backdoor access)
IU14.4.4.2	Biết cách áp dụng các phương pháp bảo mật khi dùng nhắn tin như dùng mật mã, không để lộ thông tin quan trọng, hạn chế chia sẻ tệp
<b>IU14.5</b>	<b>Quản lý dữ liệu an toàn</b>
<b>IU14.5.1</b>	<b>Bảo vệ vật lý và sao lưu dữ liệu</b>
IU14.5.1.1	Biết các cách bảo vệ vật lý cho thiết bị như khóa vị trí và chi tiết về thiết bị, khóa cáp (cable locks), kiểm soát tiếp cận vật lý
IU14.5.1.2	Biết khái niệm sao lưu (backup) dữ liệu và tầm quan trọng của việc này. Biết các chế độ sao lưu và vai trò của chúng như sao lưu thường xuyên, theo lịch, theo địa điểm
IU14.5.1.3	Biết cách sao lưu dữ liệu
IU14.5.1.4	Biết cách khôi phục dữ liệu sao lưu và xác nhận dữ liệu
<b>IU14.5.2</b>	<b>Phá hủy dữ liệu an toàn</b>
IU14.5.2.1	Hiểu được lý do xóa dữ liệu vĩnh viễn từ ổ đĩa hoặc các thiết bị lưu trữ khác
IU14.5.2.2	Phân biệt giữa việc xóa dữ liệu và hủy dữ liệu vĩnh viễn
IU14.5.2.3	Biết ưu nhược điểm của các phương pháp hủy dữ liệu vĩnh viễn phổ biến như phá ổ đĩa, dùng công cụ phá hủy

---

---

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại liên hệ:  
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517  
- Phát hành: 080.48543  
Email: [congbao@chinhphu.vn](mailto:congbao@chinhphu.vn)  
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>  
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng